

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-4-2020

V/v: Ly hôn giữa chị H, anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vương Thị Minh Tân

- Ông Nguyễn Đình Cải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên

Ngày 06-4-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 14-02-2020 về “Tranh chấp ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-3-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 23/329 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 5/7/429 đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Đăng T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Số nhà 23/329 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N. Vợ chồng sống hòa thuận

đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T sử dụng chất ma túy, không tu trí làm ăn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đăng T1, sinh ngày 27-8-2002. Nếu ly hôn chị xin nuôi con. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trần Đăng T1 có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tổ trưởng tổ dân phố số 6, phường L, thành phố Nam Định xác nhận vợ chồng chị Hà, anh T có mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể không nắm được, vợ chồng không sống cùng nhau từ tháng 01-2020 đến nay và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Hà và anh T; giao con chung Trần Đăng T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Đăng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt, không có lý do, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, không chịu làm ăn, chị H đưa con đi ở nơi khác, vợ chồng sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị H và anh T không sống cùng nhau. Nay chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn, anh T không đến Tòa án giải quyết nên không có quan điểm gì. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử lý hôn giữa chị H

và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Trần Đăng T1, sinh ngày 27-8-2002. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung; cháu Trần Đăng T1 có đơn trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin ở với mẹ. Xét thấy anh T không đến Tòa án giải quyết nên không có quan điểm gì; là người nghiện ma túy, cháu Trần Đăng T1 hiện nay đang ở cùng chị H nên cần có sự ổn định tâm lý. Vì vậy cần giao cháu T1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con không vi phạm đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên được ghi nhận;

[4] Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147; khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Đăng T;

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Đăng T1, sinh ngày 27-8-2002. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Đăng T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đăng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002779 ngày 14-02-2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

4. Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Đăng T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Lộc Vượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Công Khánh

